**TÓM TẮT ĐÁP ÁN CUỘC THI VIẾT**

**TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ NĂM 2023**

**Câu 1** (Chọn đáp án đúng - sai). Quyền sở hữu trí tuệ được ghi nhận trong Hiến pháp hiện hành của nước ta.

a. Đúng.

b. Sai.

**Đáp án:**

- Câu a.

- Khoản 2 Điều 62 Hiến pháp năm 2013.

- “Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ”.

**Câu 2** (Chọn đáp án đúng - sai). Một tác phẩm dỡ dang, chưa hoàn chỉnh sẽ không được bảo hộ quyền tác giả.

a. Đúng.

b. Sai.

**Đáp án:**

- Câu b.

# - Khoản 1 Điều 6 Văn bản hợp nhất 11/VBHN-VPQH 2022 hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ “Căn cứ phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ”.

- “Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức, phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay ch­ưa công bố, đã đăng ký hay ch­ưa đăng ký”.

**Câu 3** (Chọn đáp án đúng nhất). Quyền tác giả nào sau đây có thời hạn bảo hộ?

a. Đặt tên chotác phẩm.

b. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng.

c. Công bốtác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm.

d. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

**Đáp án:**

- Câu c.

- Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ “Thời hạn bảo hộ quyền tác giả”.

“1. Quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật này được bảo hộ vô thời hạn.

2. Quyền nhân thân quy định tại khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật này có thời hạn bảo hộ như sau: .............”.

- Điều 19 Luật Sở hữu trí tuệ “Quyền nhân thân”.

“Quyền nhân thân bao gồm:

1. Đặt tên cho tác phẩm.

Tác giả có quyền chuyển quyền sử dụng quyền đặt tên tác phẩm cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao quyền tài sản quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này;

2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả”.

**Câu 4** (Chọn đáp án đúng nhất). Một kiểu dáng công nghiệp có thể được bảo hộ bằng:

a. Quyền sở hữu công nghiệp.

b. Quyền tác giả.

c. Quyền đối với giống cây trồng.

d. Quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp.

**Đáp án:**

- Câu d.

***- Khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ 2005:***

“Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

1. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá. (0,5đ)

2. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý. ” (0,5đ)

***- Điểm g, Khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ 2005***

“Điều 14. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả

1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm:

g) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;”

***- Điểm b, khoản 1 điều 1 Luật số: 07/2022/QH15 năm 2022 sửa đổi bổ sung Luật SHTT (hoặc khoản 13, Điều 4 Luật SHTT 2009)***

“13. Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp.”;

**- *Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ***

**“Điều 13. Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng**

2. Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Luật sở hữu trí tuệ là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục với tính năng hữu ích, có thể gắn liền với một đồ vật hữu ích, được sản xuất thủ công hoặc công nghiệp như: Thiết kế đồ họa (hình thức thể hiện của biểu trưng, hệ thống nhận diện và bao bì sản phẩm), thiết kế thời trang, tạo dáng sản phẩm, thiết kế nội thất, trang trí.”

***Ghi chú: Chỉ cần giải thích được 01 trong 02 phần này.***

**Câu 5** (Chọn đáp án đúng - sai). Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết 10 năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần 10 năm.

a. Sai

b. Đúng

**Đáp án:**

- Câu b.

- ***Khoản 6 Điều 93 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 “Hiệu lực của văn bằng bảo hộ”***.

“Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết mười năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần mười năm” (1đ).

**Câu 6**. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có thể làm gì để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình?

**Đáp án:**

# *- Khoản 1 Điều 198 Luật Sở hữu trí tuệ 2005; được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a, điểm b Khoản 76 Điều 1 của Luật số 07/2022/QH15 (Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-VPQH 2022, hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ ngày 08/7/2022 của Văn phòng Quốc hội).*

***Điều 198. “Quyền tự bảo vệ”***

“1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:

a) Áp dụng biện pháp công nghệ bảo vệ quyền, đưa thông tin quản lý quyền
hoặc áp dụng các biện pháp công nghệ khác nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm
quyền sở hữu trí tuệ;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải
chấm dứt hành vi xâm phạm, gỡ bỏ và xóa nội dung vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

c) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

1.a. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác áp
dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
của mình.”

**Câu 7.** Quyền liên quan đến quyền tác giả là gì? Các trường hợp nào sử dụng quyền liên quan đến quyền tác giả không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao?

**Đáp án:**

***- Khoản 3 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ “Giải thích từ ngữ”: (1đ)***

“Quyền liên quan đến quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa”.

***- Điều 32 Luật Sở hữu trí tuệ “Các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền liên quan”:***

“1. Các trường hợp sử dụng cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền nhưng phải thông tin về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng bao gồm:

a) Ghi âm, ghi hình trực tiếp một phần cuộc biểu diễn để giảng dạy không nhằm mục đích thương mại hoặc để đưa tin thời sự;

b) Tự sao chép hoặc hỗ trợ người khuyết tật sao chép một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại;

c) Sao chép hợp lý một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng để giảng dạy trực tiếp của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại, trừ trường hợp cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng này đã được công bố để giảng dạy;

d) Trích dẫn hợp lý nhằm mục đích đưa tin thời sự;

đ) Tổ chức phát sóng tự làm bản sao tạm thời để phát sóng khi được hưởng quyền phát sóng.

2. Việc sử dụng cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng quy định tại khoản 1 Điều này không được mâu thuẫn với việc khai thác bình thường cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

**Câu 8.** Tổ chức, cá nhân có quyền và trách nhiệm gì trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ?

**Đáp án:**

- Điều 9 Luật Sở hữu trí tuệ ‘Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ”.

- «Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan »./.